

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 29-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Thế Thái

Ông Lương Viết Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Kim A**, sinh ngày 19/10/1986.

Nơi cư trú: Số nhà 05, tổ 26, phường TH, thành phố TQ, Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Cán bộ Tộc phòng Quản lý chất lượng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Xuân T, sinh năm 1960 và bà Hà Thị T, sinh năm 1965; có chồng: Nguyễn Quốc K, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. *Có mặt.*

*** Bị hại:**

1. Nguyễn Hải H, sinh năm 1984. *Có mặt.*

2. Ngô Phương T, sinh năm 1991. *Có mặt*

Đều trú tại thôn AH, xã AT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

3. Phạm Tuấn H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*

Trú tại Tổ 28, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

4. Hoàng Linh C, sinh năm 1991. *Vắng mặt*

Trú tại Tổ 9, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

5. Nguyễn Trường G, sinh năm 1980. *Có mặt*

Trú tại Tổ 05, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

6. Châu Thị T, sinh năm 1988. *Vắng mặt*

Trú tại thôn SL, xã AT, TP TQ, tỉnh Tuyên Quang.

7. Tạ Nguyệt A, sinh năm 1989. *Vắng mặt*

Trú tại Tổ 34, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

8. Đào Thị T Y, sinh năm 1987. *Vắng mặt*

Trú tại xóm 16, xã TĐ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

9. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 20, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
10. Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại Thị trấn TB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
11. Châu Thị H, sinh năm 1992; *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 01, phường NT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
12. Đoàn Thị T H, sinh năm 1983. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 25, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
13. Đoàn Thị X, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 34, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
14. Lê Thị H, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 18, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
15. Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 14, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
16. Cao Xuân H, sinh năm 1989. *Có mặt*
Trú tại Tập thể Bệnh viện - Tổ 16, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
17. Đinh Văn T, sinh năm 1986. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 23, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
18. Lại Mai H, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 8, phường NT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
19. Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 17, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
20. Đỗ Thị L, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
Trú tại xóm 4, xã TM, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
21. Phạm Thị N, sinh năm 1983. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 3, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
22. Đinh Thúy H, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại xóm 2, xã TĐ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
23. Đào Thị T, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại thôn AH, xã AT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
24. Bùi Đức L, sinh năm 1992. *Có mặt*
Trú tại thôn SK, xã PL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
25. Nguyễn Thị D, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại xóm 9, xã TĐ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
26. Nguyễn Thị Tận Y, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 4, phường HT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
27. Dương Hoàng A, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 4, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
28. Đỗ Văn Q, sinh năm 1989. *Có mặt*.
Trú tại xóm 14, xã TM, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
29. Nông Thị Hương G, sinh năm 1993. *Có mặt*
Trú tại Tổ 4, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
30. Đinh Thị T, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại xóm 11, xã TĐ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
31. Lâm Thị L, sinh năm 1985. *Vắng mặt*

Trú tại Tổ 3, phường NT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 32. Nguyễn Văn M, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
 Trú tại xóm 8, xã TM, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
 33. Dương Thị T, sinh năm 1987. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 4, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 34. Vương Ngọc T, sinh năm 1988 *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 19, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 35. Lê Tiến T, sinh năm 1988. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 28, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 36. Ma Thị Bích D, sinh năm 1988. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 27, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 37. Nguyễn Thúy L, sinh năm 1984. *Có mặt*.
 Trú tại Tổ 7, phường Y, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 38. Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 14, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 39. Đỗ Yên C, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 16, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 40. Nguyễn Thị A, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 20, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 41. Nguyễn Ánh H, sinh năm 1992, *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 23, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 42. Lại Thị Hoa P, sinh năm 1989. *Có mặt*
 Trú tại Tổ 22, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 43. Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989, *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 12, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 44. Nguyễn Phương N, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 17, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.
 45. Đinh Kiên C, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
 Trú tại xóm 18, xã KP, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
 46. Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 10, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang.
 47. Lê Quang H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
 Trú tại xã TK, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.
 48. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
 Trú tại xóm 11, xã KP, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
 49. Hà Thị Mai N, sinh năm 1990. *Có mặt*
 Trú tại Tổ 18, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 50. Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. *Có mặt*
 Trú tại Thôn 2, xã NH, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang
 51. Lê Thị T, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 23, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 52. Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. *Vắng mặt*
 Trú tại phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 53. Nguyễn Văn L, sinh năm 1976. *Vắng mặt*

Trú tại xóm 17, xã TM, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang
54. Hoàng Thị H, sinh năm 1988, *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 20, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
55. Lý Thị H, 1986. *Có mặt*
Trú tại Tổ 17, phường NT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
56. Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1994. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 35, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
57. Vũ Hải T, sinh năm 1990, *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 16, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
58. Hoàng Thị T, sinh năm 1993. *Có mặt*
Trú tại Tổ 16, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
59. Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1991. *Có mặt*
Trú tại Tổ 3, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
60. Hà Thị H, sinh năm 1989, *Vắng mặt*
Trú tại xã TP, huyện CH, tỉnh Tuyên Quang
61. Tạ Hữu T, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 13, phường Y, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
62. Phùng Thị X, sinh năm 1981. *Có mặt*
Trú tại Tổ 19, phường HT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
63. Châu Văn N, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 40, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
64. Lê Thị P, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại: thôn HL, xã BY, TT, HN.
65. Nguyễn Thế T, sinh năm 1999. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 7, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
66. Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
Trú tại xóm 8, xã KP, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang
67. Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại tổ 16, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
68. Đoàn Đang D, sinh năm 1990. *Có mặt*
Trú tại xã TL, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
69. Nguyễn Trí D, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 20, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
70. Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. *Có mặt*
Trú tại Tổ 2, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
71. Âu Trung K, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ dân phố ĐC, thị trấn SD, tỉnh Tuyên Quang
72. Sầm Văn T, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 4, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
73. Đào Văn Đ, sinh năm 1990. *Có mặt*
Trú tại xã TH, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang
74. Đỗ Trường H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 15, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

75. Phạm Thị Khánh L, sinh năm 1990. *Có mặt*
Trú tại Tổ 33, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
76. Ma Thị H, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại thôn YL, xã HK, YS, tỉnh Tuyên Quang
77. Lương Thị N, sinh năm 1988. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 14, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
78. Ma Thị H, sinh năm 1993. *Có mặt*
Trú tại xã NK, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang
79. Châu Thanh T, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 6, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
80. Cao Hồng Q, sinh năm 1982. *Vắng mặt*
Trú tại thôn AH, xã AT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
81. Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 14, phường HT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
82. Vương Ngọc T, sinh năm 1990. *Có mặt*.
Trú tại Tổ 30, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
83. Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 4, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
84. Hứa Thị C, sinh năm 1988. *Có mặt*
Trú tại Tổ 11, Thị trấn TB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang
85. Đàm Anh V, sinh năm 1994. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ nhân dân TT, thị trấn TY, huyện HY, Tuyên Quang
86. Ma Thị H, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 12, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
87. Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 26, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
88. Lưu Duy H, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 14, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
89. Nguyễn Thị V, sinh năm 1994. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 08, phường MX, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
90. Đinh Thị N, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 13, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
91. Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1990. *Có mặt*
Trú tại Tổ 20, phường HT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
92. Đinh Tý H, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Trú tại xóm 2, xã TĐ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
93. Phan Thị D, sinh năm 1993. *Có Mặt*.
Trú tại thôn SL, xã AT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
94. Phạm Thanh T, sinh năm 1974. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 28, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
95. Dương T H, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
Trú tại Tổ 39, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
96. Vũ Sơn T, sinh năm 1989. *Vắng mặt*

Trú tại xã ĐB, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang
 97. Nguyễn Khánh H, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 33, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 98. Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1990. *Có mặt*
 Trú tại Tổ 17, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 99. Phạm Thanh T, sinh năm 1974. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 04, phường Y, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 100. Nguyễn Việt T, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ nhân dân TB, thị trấn SD, Sơn Dương, Tuyên Quang
 101. Trương Thanh T, sinh năm 1983. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 14, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 102. Phan Tuấn Vũ, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 18, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 103. Bùi Đức T, sinh năm 1988. *Vắng mặt*
 Trú tại thôn TT, thị trấn SD, tỉnh Tuyên Quang
 104. Lê Tuấn A, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 23, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 105. Hoàng Minh Đ, sinh năm 1988. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 34, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 106. Ma Minh Đ, sinh năm 1987. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 20, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 107. Phan Thị Huyền T, sinh năm 1988. *Có mặt*
 Trú tại Tổ 23, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 108. Trần Thị O, sinh năm 1982. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 01, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 109. Cao Thị Bích H, sinh năm 1980. *Có mặt*
 Trú tại thôn AH, xã AT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 110. Nguyễn Quốc K, sinh năm 1984. *Có mặt*
 Trú tại Tổ 21, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 111. Hoàng Thị H, sinh năm 1988. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 16, phường TH, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 112. Trịnh Thị T, sinh năm 1967. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 23, phường TQ, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 113. Nguyễn Thị T T, sinh năm 1986. *Vắng mặt*
 Trú tại Tổ 2, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang
 114. Nguyễn Phương Q, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
 Trú tại thôn NC, xã HK, YS, tỉnh Tuyên Quang
 115. Tạ Văn C, sinh năm 1987. *Vắng mặt*
 Trú tại: thôn BM, xã ĐN, huyện HY, Tuyên Quang.
 Đây là cán bộ của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Đại diện Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang: Bà Nguyễn Thị Bùi N, chức vụ Phó trưởng phòng Công tác xã hội Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang có mặt theo

Giấy ủy quyền số 143/BV-UQ ngày 28/5/2018 do Bác sỹ Phạm Quang T, chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012 và năm 2013, Sở Y tế và Bệnh Viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang thông báo tới các y, bác sỹ trong cơ quan nộp hồ sơ cho Phòng kế hoạch tổng hợp để tập trung hồ sơ gửi ra Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội, quy định cán bộ y tế hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện làm hồ sơ, nộp lệ phí đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực Tộc Trung ương để được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Việc tiếp nhận, nộp hồ sơ, bệnh viện giao cho Bùi Kim A, trú tại tổ 26, phường TH, thành phố TQ, là cán bộ của Phòng kế hoạch tổng hợp thực hiện. Sau khi tiếp nhận 390 hồ sơ, Bùi Kim A mang nộp và Sở Y tế đã cấp chứng chỉ hành nghề cho số y, bác sỹ trên theo quy định. Công việc kết thúc, bệnh viện không giao cho A tiếp nhận hồ sơ nữa mà thông báo cho các cán bộ y tế nếu đủ điều kiện thì tự nộp hồ sơ để Sở Y tế cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

Từ năm 2015 đến năm 2017, nhiều cán bộ y, bác sỹ trong bệnh viện đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề nhưng không mang hồ sơ, lệ phí ra Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang nộp mà đến nhờ Bùi Kim A nộp hộ. Trong 03 năm trên, Bùi Kim A nhiều lần nhận được 135 bộ hồ sơ của 135 người, mỗi bộ hồ sơ A thu từ 780.000đ đến 1.000.000đ = 104.860.000đ, sau khi nhận hồ sơ và tiền, A không nộp lên Sở Y tế để làm chứng chỉ cho mọi người, mà sử dụng số tiền trên chi tiêu cá nhân và nhiều lần làm 120 giả các chứng chỉ hành nghề trả cho mọi người. Đồng thời A làm 01 Giấy đăng ký xe ô tô giả. Cụ thể như sau:

Lần 1: Năm 2015, Bùi Kim A nhận, hồ sơ của 42 các y, bác sỹ trong bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang và thu tiền lệ phí gồm: Phạm Tuấn H, Hoàng Linh C, Nguyễn Trường G mỗi người 780.000đ; Châu Thị T; Tạ Nguyệt A, Đào Thị T Y; Nguyễn Thị Thanh H; Nguyễn Thị H; Châu Thị H; Đoàn Thị T H, Đoàn Thị X; Lê Thị H, Nguyễn Thị Thanh L; Cao Xuân H, Đinh Văn T, Lại Mai H; Nguyễn Thị H; Đỗ Thị L, Phạm Thị N, Đinh Thúy H; Đào Thị T, Bùi Đức L; Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Tân Y, Dương Hoàng A, Đỗ Văn Q, Nông Thị Hương G, Đinh Thị T, Lâm Thị L, Nguyễn Văn M, Dương Thị Thu T mỗi người 790.000đ; Vượng Ngọc Thìn, Lê Tiến T, Ma Thị Bích D, Nguyễn Thúy L, Phạm Thị Huyền T, Đỗ Yên C, Nguyễn Thị A, Nguyễn Ánh H, Lại Thị Hoa P, Nguyễn Thị Hồng N thu mỗi người 800.000đ; Nguyễn Phương N thu 850.000đ. Tổng số tiền A thu được từ 42 người trên là 32.460.000đ. Sau khi nhận hồ sơ và tiền, A không nộp lên Sở Y tế để làm chứng chỉ mà để tiền chi tiêu cá nhân. Do những người làm chứng chỉ đòi lấy chứng chỉ, nên A nảy ý định làm giả các chứng chỉ hành nghề. Để thực hiện việc làm chứng chỉ hành nghề giả, Bùi Kim A đã đến cơ sở in 105 của chị Bùi Thị Hoài T, trú tại xóm 4, xã TM, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang đặt in 60 phôi chứng chỉ hành nghề

giả có hình dạng, màu sắc, lôgô biểu tượng giống như phôi thật theo mẫu của Bộ Y tế, không in chữ hay thông tin trên phôi, sau đó mang về cất giấu trong tủ tại phòng làm việc (khi in A không nói cho chị T biết là để làm giả chứng chỉ hành nghề). Do biết phòng Đào tạo và chỉ đạo tuyến của bệnh viện có máy Scan (máy quét ảnh) và máy in màu, nên lợi dụng giờ nghỉ trưa, Bùi Kim A mượn chìa khóa của chị Hoàng Thị H, nhân viên phòng Đào tạo để ngủ nhờ vì phòng này có điều hòa. Khi không có ai ở phòng, A đã sử dụng máy Scan quét, đưa lên máy tính 1 bản chứng chỉ hành nghề thật do Sở y tế tỉnh Tuyên Quang cấp cho chị Hoàng Thúy H - cán bộ Khoa nhi năm 2013 nhưng nhằm số chứng minh thư nên chị H nhờ A đến Sở Y tế xin cấp lại. Sau đó A cắt hình dấu tròn của Sở Y tế, chữ ký ông Đào Duy Q - Giám đốc Sở y tế và sử dụng các phần mềm chỉnh sửa ảnh để xóa chữ, dòng kẻ quanh hình dấu. Sau đó A căn chỉnh đúng vị trí phía dưới, bên phải chứng chỉ, in thử thấy khớp thì mới sử dụng máy in màu để in hình dấu tròn của Sở Y Tế tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của ông Đào Duy Q lên 60 phôi chứng chỉ đã làm giả, điền số và in dòng tên chứng chỉ. Sau đó A lưu hình dấu và chữ ký vào USB và mang toàn bộ số phôi này về tủ cá nhân tại phòng làm việc của mình cất dấu. Cuối năm 2015 khi các y, bác sỹ đòi lấy chứng chỉ hành nghề, A sử dụng máy in thường in thông tin cá nhân của họ vào các phôi đã chuẩn bị sẵn, sau đó phôi tô 42 chứng chỉ giả nêu trên và đưa cho họ bản phôi tô còn giữ lại bản chính và nói với những người này là "*Bệnh viện đang giữ bản chính để kiểm tra*". Đến đầu năm 2016 do không thấy ai phát hiện đó là chứng chỉ giả thì A mới trả hết 42 chứng chỉ bản gốc giả cho mọi người.

Lần 2: Năm 2016, Bùi Kim A nhận hồ sơ và tiền lệ phí của 18 Y, bác sỹ trong bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang nhờ A nộp lên Sở Y tế để làm chứng chỉ hành nghề cho họ, nhưng A không nộp mà lấy tiền chi tiêu cá nhân, cụ thể: Nhận của Đinh Kiên C, Nguyễn Văn T, Lê Quang H mỗi người 780.000đ; Nguyễn Mạnh H; Hà Thị Mai N, Nguyễn Văn T, Lê Thị T, Nguyễn Thị H mỗi người 790.000đ; Nguyễn Văn L, Hoàng Thị H, Lý Thị H, Nguyễn Ngọc D, Vũ Hải T, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị Kiều T, Hà Thị H và Tạ Hữu T mỗi người 800.000đ và thu của Phùng Thị X 820.000đ. Tổng số tiền A thu được 13.490.000đ.

Ngày 01/4/2016 A chuyển công tác đến phòng Quản lý chất lượng của bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Thấy nhiều người muốn làm chứng chỉ nên A tiếp tục đến cơ sở in 105 đặt in 60 phôi chứng chỉ hành nghề giả. Sau đó A tự mua 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON để tại phòng Quản lý chất lượng, A nói dối cán bộ trong phòng là để in tài liệu phục vụ dự án của bệnh viện. Tranh thủ giờ cán bộ nghỉ trưa, A dùng máy in màu in hình dấu tròn của Sở y tế và chữ ký của ông Đào Duy Q lên các phôi chứng chỉ, đến cuối năm 2016 khi các Y, Bác sỹ đòi chứng chỉ thì A mới sử dụng máy in thường in thông tin cá nhân của họ lên các phôi đã có dấu và chữ ký sẵn và trả chứng chỉ giả cho 18 Y, Bác sỹ nêu trên.

Lần 3: Năm 2017, Bùi Kim A tiếp tục nhận tiền lệ phí, hồ sơ của 28 Y, Bác sỹ trong Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang rồi làm giả chứng chỉ giả đưa cho họ gồm: Nhận của Châu Văn N 600.000đ; Lê Thị P 700.000đ; Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị T mỗi người 790.000đ; Đoàn Đăng D, Nguyễn Trí D, Nguyễn Thị N, Âu Trung K, Sầm Văn T, Đào Văn Đ, Đỗ Trường H, Nguyễn Viết T; Ma Thị H, Lương Thị N, Ma Thị H; Châu Thanh T; Cao Hồng Q và Nguyễn Thị Thùy L mỗi người 800.000đ; Vương Ngọc T, Nguyễn Thị T và Hứa Thị C mỗi người

820.000đ; Đàm Anh V, Ma Thị H, Nguyễn Thị Kim Y và Lưu Duy H mỗi người 840.000đ; Nguyễn Thị V 850.000đ và Đinh Thị N 1.000.000đ. Tổng 28 người A thu được 22.480.000đ sử dụng chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra còn xác định: Trong thời gian làm các chứng chỉ giả nêu trên, A còn nhận hồ sơ và thu tiền của 32 người gồm: Nguyễn Thị Tuyết H, Đinh Thị N, Phan Thị D mỗi người 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thùy L, Ma Thị H, Phạm Thanh T, Dương Thu H, Vũ Sơn T, Nguyễn Khánh H, Phạm Thị Thanh N, Phạm Thanh T, Lê Tiên T, Nguyễn Việt T, Trương Thanh T, mỗi người 800.000 đồng, Phan Tuấn Vũ, Bùi Đức T, Lê Anh Tuấn, Hoàng Minh Đ, Ma Đình Đức, Phan Thị Huyền T, Ma Đình Đức, mỗi người 790.000 đồng, Trần Thị O 600.000 đồng, Cao Thị Bích H 820.000 đồng, Hoàng Thị H, Trịnh Thị T, Cao Thị Bích H, Hoàng Thị X mỗi người 780.000 đồng, Nguyễn Quốc K, Nguyễn Thị Thu T (không thu tiền), Nguyễn Phương Q 860.000đ, Tạ Văn C 550.000đ. Tổng số tiền A thu được 24.070.000đ sử dụng chi tiêu cá nhân. Trong số 32 người này A đã làm giả 15 bản chính chứng chỉ giả và 17 bản phô tô chứng chỉ trả cho mọi người. Nhưng khi bị phát hiện A đã tự thu lại 15 bản chứng chỉ chính về tự tiêu hủy nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Quá trình điều tra xác định, trong khoảng thời gian trên Bùi Kim A làm giả 32 bản sao chứng chỉ, A chỉ nhớ họ tên, nhận tiền lệ phí, hồ sơ của 32 người này nhưng không xác định được đã nhận vào ngày, tháng, năm nào, vì sau khi làm giả chứng chỉ cho 32 người này đã xóa hết thông tin trong máy tính. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 32 bản phô tô chứng chỉ nêu trên.

Đối với 15 người còn lại, A đã nhận hồ sơ và tiền lệ phí của họ nhưng không làm chứng chỉ giả cho họ mà sử dụng số tiền này để chi tiêu cá nhân, cụ thể: Nhận của Nguyễn Thị Thu H, Phạm Thị Khánh L, Trần Thu H, Nguyễn Văn C, Trần Thị T, Đỗ Mạnh T, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị Thu T, Dương Thu T, Châu Văn N mỗi người 1.000.000đ, Vũ Văn C 800.000đ, Lê Hòa T, La Thị Huyền T mỗi người 820.000đ, Vũ Thị Thanh H, Trịnh Thị Bích T (không thu tiền). Số tiền, hồ sơ trên sau khi bị phát hiện đã được A trả lại.

Lần 4: Ngoài 03 lần làm chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh giả trên, tháng 11/2017 Bùi Kim A đã làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Kim A, cụ thể:

Tháng 9/2017, Bùi Kim A mua một chiếc xe nhãn hiệu SSANG YONG TIVOLI màu trắng, loại 5 chỗ, biển kiểm soát 22A-060.17 tại đại lý xe PT, địa chỉ tổ 2, phường PT, thành phố TQ giá tiền 760.000.000đ, trả trước 100.000.000đ. Sau khi mua xe và đăng ký xong, Bùi Kim A đã thế chấp chiếc xe trên tại Ngân hàng quân đội, chi nhánh Tuyên Quang vay 680.000.000đ, Ngân hàng không giữ xe, chỉ giữ bản đăng ký gốc và đưa cho A bản sao đăng ký có chứng thực để sử dụng, trước khi giao đăng ký xe cho Ngân hàng, Bùi Kim A đã dùng điện thoại chụp ảnh lại bản đăng ký xe ô tô gốc. Sau khi vay được tiền của ngân hàng, A đã trả hết tiền xe cho đại lý PT.

Tháng 11/2017 do cần tiền trả nợ ngân hàng và trả tiền cho các y, bác sỹ đã làm chứng chỉ giả nên A có ý định bán xe để lấy tiền trả nợ. Để có giấy đăng ký xe, A kết nối hình ảnh đăng ký xe từ điện thoại với máy in màu nhãn hiệu EPSON để tại phòng làm việc của mình rồi in ra, ghép lại và ép Plastic. Đến ngày 01/12/2017, vợ chồng anh Nguyễn Hải H, chị Ngô Phương T, trú tại thôn AH, xã AT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang đến nhà A hỏi mua xe, sau khi thống nhất, A nhất trí bán xe

cho vợ chồng anh H với giá 570.000.000đ, vợ chồng anh H trả trước cho A 300.000.000đ và hẹn khi nào làm thủ tục chuyển nhượng xe trả nốt 270.000.000đ. Ngày 07/12/2017, A giao xe, đăng ký xe giả và các giấy tờ khác cho anh H, chị T. Sau khi giao xe, A lo sợ việc bán xe, giao đăng ký giả cho anh H sẽ bị phát hiện nên ngay tối ngày 07/12/2017 A mang số tiền 320.000.000đ (vay của bạn bè) đến nhà gặp anh H, chị T trả lại (trong đó trả 300.000.000đ là tiền anh H và chị T trả trước, còn 20.000.000đ là tiền do A phá hợp đồng) và đề nghị vợ chồng anh H trả lại xe ô tô và không bán nữa, nhưng vợ chồng anh H không đồng ý mà yêu cầu A ra công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng. A nhiều lần trì hoãn việc chuyển nhượng xe để có thời gian vay tiền, hoặc bán nhà trả ngân hàng, lấy đăng ký gốc trả cho vợ chồng anh H và làm thủ tục chuyển nhượng. Tuy nhiên do anh H, chị T nhiều lần yêu cầu A làm thủ tục chuyển nhượng nên ngày 20/12/2017 mọi người ra Phòng công chứng nhà nước số 1 tỉnh Tuyên Quang để làm thủ tục thì bị phát hiện chiếc đăng ký xe trên là giả. Ngày 22/12/2017 A trả 300.000.000đ cho anh H, chị T.

Tại Kết luận giám định số 519 ngày 16/11/2017 của Phòng Kỹ Tật hình sự (PC54) Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- 83 (tám mươi ba) hình dấu tròn “SỞ Y TẾ - TỈNH TUYÊN QUANG- CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM” trên các mẫu cần giám định không phải do con dấu trực tiếp đóng ra;

- 83 (tám mươi ba) chữ ký đứng tên ông Đào Duy Q trên các mẫu cần giám định không phải là chữ ký trực tiếp;

- 83 (tám mươi ba) phôi CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH cần giám định không cùng loại với mẫu phôi CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (Ký hiệu M1; M2; M3);

Tại Kết luận giám định số 54/GĐ-KTHS ngày 15/01/2018 của Phòng Kỹ Tật hình sự (PC54) Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. 05 (năm) hình dấu tròn “SỞ Y TẾ - TỈNH TUYÊN QUANG - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” trên các mẫu cần giám định không phải là hình dấu do con dấu trực tiếp đóng ra. Chữ ký đứng tên ông Đào Duy Q trên các mẫu cần giám định không phải là chữ ký trực tiếp.

2. 05 (năm) phôi Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong mẫu cần giám định với các phôi Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) không cùng loại mẫu phôi.

Tại Kết luận giám định số 34/GĐ-KTHS ngày 05/01/2018 của Phòng Kỹ Tật hình sự (PC54) Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ số 009866 mang tên chủ xe Bùi Kim A, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ 26, phường TH, thành phố TQ, tỉnh tuyên Quang, biển số đăng ký 22A-060.17, cấp ngày 05/10/2017, có hình dấu của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký Phó Trưởng phòng Hứa Thị Ánh T (Ký hiệu A1) không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ TẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ số KC 4583358, biển đăng ký 22A-060.17; in dấu tròn Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải - Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang, ghi cấp ngày 3/11/2017, giám đốc Mai Đại Đ ký (Ký hiệu A2) là do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Tuyên Quang thu giữ: 88/120 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh giả, riêng 15 chứng chỉ giả không thu hồi được do Bùi Kim A khi bị phát hiện đã mang về nhà tiêu hủy; 32 bản sao (bản photocopy) chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh giả; 112 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (Cơ quan ANĐT thu giữ đã trả lại cho các y, bác sỹ); 01 USB; 02 quyển sổ tay; 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của Bùi Kim A.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định, trong thời gian tháng 11, tháng 12/2017, Bùi Kim A đã khắc phục hậu quả, hoàn trả được số tiền 104.860.000đ cho các y, bác sỹ. Ngày 22/12/2017 đã hoàn trả cho anh Nguyễn Hải H, chị Ngô Phương T số tiền bán xe là 300.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Kim A tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và của các bị hại. Bị cáo đã khắc phục hậu quả hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho các bị hại.

Các bị hại khai phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo Bùi Kim A công tác đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là cán bộ làm việc có trách nhiệm, trong quan hệ đồng nghiệp nhiệt tình hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao có nhân thân tốt phạm tội do vụ lợi.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Bùi Kim A về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Kim A phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Kim A từ 02 năm đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại thi hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận từ các bị hại. Tại phiên tòa các bị hại cũng không đề nghị bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề liên quan đến bồi thường dân sự.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 USB của Bùi Kim A (được niêm phong trong một bì thư kín có chữ ký giáp lai của Bùi Kim A và và điều tra viên Nguyễn Khả T); 01 quyển sổ tay, bìa bọc da màu đen tạm giữ của Bùi Kim A, trong đó có ghi tên, chữ ký của 36 y, bác sỹ nộp hồ sơ, tiền làm CCHN cho Bùi Kim A; 88 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có số hiệu, tên người sử dụng theo danh sách kèm theo; 01 quyển sổ có bìa nâu, bên ngoài có chữ màu vàng (DISCOVEVERY – A4) kích thước 30x20cm, bên trong quyển sổ có chữ ghi các mục khoản trả tiền gồm 05 tờ, 09 trang, các trang có chữ ký xác nhận của Bùi Kim A.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009866, thể hiện Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 05/10/2017, mang tên Bùi Kim A – sinh năm 1986, trú tại tổ 26, phường TH, thành phố TQ; biển số đăng ký: 22A – 06017.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, vỏ thân máy bằng nhựa, màu đen, phách mặt trước bên phải có dòng chữ “Epson stylus photo T60”, kèm theo 06 hộp mực màu xanh, đỏ, vàng, đen được gắn với máy bằng 01 dây cáp nhựa.

Đối với 135 cán bộ y, bác sỹ nộp tiền, hồ sơ cho Bùi Kim A để nhờ mang nộp Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, trong đó có 120 người đã nhận chứng chỉ giả, nhưng không biết Bùi Kim A đã tự ý làm giả chứng chỉ hành nghề, nên không đề cập xử lý.

Đối với chị Bùi Thị Hoài T chủ xưởng in, đã in 120 phôi chứng chỉ nhưng không biết bị can sử dụng vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý.

Bị cáo Bùi Kim A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, các bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo Bùi Kim A không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang mang thai con thứ 3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Kim A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Bùi Kim A nhiều lần nhận 135 hồ sơ và tiền lệ phí, làm giả 120 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 120 các cán bộ Y, Bác sỹ trong bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang và làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, cụ thể như sau:

Lần 1: Năm 2015 Bùi Kim A đã thu tiền lệ phí của 42 người được 32.460.000đ và làm giả 42 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 42 cán bộ Y, Bác sỹ trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Lần 2: Năm 2016 Bùi Kim A đã thu tiền lệ phí của 18 người được 13.490.000đ và làm giả 18 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 18 cán bộ Y, Bác sỹ trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Lần 3: Năm 2017 Bùi Kim A đã thu tiền lệ phí của 28 người được 22.480.000đ và làm giả 28 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 28 cán bộ Y, Bác sỹ trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Lần 4: Tháng 11/2017, Bùi Kim A đã làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 22A-060.17 mục đích bán xe lấy tiền trả nợ.

Ngoài ra, cũng trong thời gian nêu trên, Bùi Kim A đã thu lệ phí của 32 người được số tiền 24.070.00đ rồi làm giả 32 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 32 cán bộ Y, Bác sỹ trong Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang và thu lệ phí của 15 người được số tiền 12.460.000đ nhưng chưa làm chứng chỉ giả thì bị phát hiện đã trả hồ sơ, tiền cho 15 người trên.

Như vậy, trong 03 lần làm giả 120 giấy chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho 120 Y, Bác sỹ trong Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, Bùi Kim A hưởng lợi số tiền 92.380.000đ trên tổng số 104.860.000đ đã nhận và 01 lần làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để bán 01 xe ô tô.

[2] Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng người, đúng tội và có đủ căn cứ quy kết bị cáo Bùi Kim A phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến an ninh về lĩnh vực trật tự quản lý hành chính Nhà nước, làm ảnh hưởng tới sự hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có khả năng hiểu biết, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo cố ý vi phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đủ tác dụng giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo Bùi Kim A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

[5] Về phần hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại bản thân bị cáo đang mang thai đứa con thứ 3. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với 135 cán bộ Y, Bác sỹ nộp tiền, hồ sơ cho bị cáo Bùi Kim A để nhờ mang nộp Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, trong đó có 120 người đã nhận chứng chỉ giả, nhưng không biết bị cáo làm giả chứng chỉ hành nghề, nên không đề cập xử lý.

[7] Đối với chị Bùi Thị Hoài T chủ xưởng in, đã in 120 phôi chứng chỉ nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận từ các bị hại. Tại phiên tòa các bị hại cũng không đề nghị bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 USB của Bùi Kim A (được niêm phong trong một bì thư kín có chữ ký giáp lai của Bùi Kim A và và điều tra viên Nguyễn Khả T); 01 quyển sổ tay, bìa bọc da màu đen tạm giữ của Bùi Kim A, trong đó có ghi tên, chữ ký của 36 y, bác sỹ nộp hồ sơ, tiền làm CCHN cho Bùi Kim A; 88 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có số hiệu, tên người sử dụng theo danh sách kèm theo; 01 quyển sổ có bìa nâu, bên ngoài có chữ màu vàng (DISCOVEEVERY – A4) kích thước 30x20cm, bên trong quyển sổ có chữ ghi các mục khoản trả tiền gồm 05 tờ, 09 trang, các trang có chữ ký xác nhận của Bùi Kim A.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009866, thẻ hiện Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 05/10/2017, mang tên Bùi Kim A – sinh năm 1986, trú tại tổ 26, phường TH, thành phố TQ; biển số đăng ký: 22A – 06017.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, vỏ thân máy bằng nhựa, màu đen, phía mặt trước bên phải có dòng chữ “Epson stylus photo T60”, kèm theo 06 hộp mực màu xanh, đỏ, vàng, đen được gắn với máy bằng 01 dây cáp nhựa.

[10] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí buộc bị cáo Bùi Kim A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội .

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Kim A phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Kim A 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về vật chứng: Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 USB của Bùi Kim A (được niêm phong trong một bì thư kín có chữ ký giáp lai của Bùi Kim A và và điều tra viên Nguyễn Khả T);

- 01 quyển sổ tay, bìa bọc da màu đen tạm giữ của Bùi Kim A, trong đó có ghi tên, chữ ký của 36 y, bác sỹ nộp hồ sơ, tiền làm CCHN cho Bùi Kim A;

- 88 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có số hiệu, tên người sử dụng theo danh sách kèm theo;

- 01 quyển sổ có bìa nâu, bên ngoài có chữ màu vàng (DISCOVEREY – A4) kích thước 30x20cm, bên trong quyển sổ có chữ ghi các mục khoản trả tiền gồm 05 tờ, 09 trang, các trang có chữ ký xác nhận của Bùi Kim A.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009866, thể hiện Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 05/10/2017, mang tên Bùi Kim A – sinh năm 1986, trú tại tổ 26, phường TH, thành phố TQ; biển số đăng ký: 22A – 06017.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng, chất lượng bên trong, vỏ thân máy bằng nhựa, màu đen, phía mặt trước bên phải có dòng chữ “Epson stylus photo T60”, kèm theo 06 hộp mực màu xanh, đỏ, vàng, đen được gắn với máy bằng 01 dây cáp nhựa.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 04/4/2018.

Về án phí:

Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Kim A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng : Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- CQĐT, Phòng Hồ sơ Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS + Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương

